

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2022/DS-ST**

Ngày: 28-4-2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bàng

2. Bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp về Hợp đồng dân sự tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 114/2022/TB-TĐTG ngày 13 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty tài chính S;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ng H Nh, sinh ngày 11 tháng 3 năm 1974, chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Chị H T B L, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1997, chức vụ: Chiên viên Pháp lý tổ tụng của Công ty tài chính S (vắng mặt);

Địa chỉ trụ sở: L 8, 9, 10 Tòa nhà G, số 24C P Đ L, P 6, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Chị D T G, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Hộ khẩu thường trú: ấp BL, xã NT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: Kp 1, thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 20/01/2021 và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty tài chính S trình bày và yêu cầu như sau:*

Vào ngày 08/7/2019, Công ty tài chính S của chúng tôi có cho chị D T G vay số tiền 43.000.000 đồng theo Đề nghị cấp tín dụng kèm Hợp đồng tín dụng số: CR 014212487 ngày 08/7/2019, lãi suất vay thực tế hàng tháng là 3,35%, lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất vay thực tế hàng tháng, thời hạn trả nợ kỳ thời hạn vay 18 tháng, trả 18 kỳ, ngày trả hết nợ 05/01/2021 nhưng sau khi vay chị D T G trả được 01 kỳ không trả nữa, còn lại 17 kỳ với số tiền 51.330.447 đồng. Nay chị đại diện Công ty tài chính S yêu cầu chị D T G thanh toán tiền vay cho Công ty tài chính S 51.330.447 đồng theo đề nghị cấp tín dụng kèm Hợp đồng tín dụng số: CR 014212487 ngày 08/7/2019.

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24 tháng 02 năm 2022 và đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án, bị đơn chị D T G trình bày như sau:*

Vào ngày 08/7/2019 chị có ký giấy đề nghị cấp tín dụng kèm hợp đồng tín dụng số CR014212487 với Công ty tài chính S. Theo hợp đồng, Công ty tài chính S cho chị G vay số tiền 43.000.000 đồng tiền gốc, thời hạn vay 18 tháng; lãi suất thực tế hàng tháng 3,35%, mục đích vay là chữa bệnh cho con; thanh toán vào ngày 05 tây hàng tháng, mỗi tháng chị phải đóng cho Công ty tài chính S số tiền 3.284.797 đồng, liên tục đóng trong 18 kỳ. Từ lúc vay đến nay chị G đã thanh toán cho Công ty tài chính S được vài kỳ, mỗi kỳ là hơn 3 triệu đồng, chị không có giữ các giấy tờ thanh toán nên không nắm rõ. Nay Công ty tài chính S yêu cầu chị thanh toán số tiền gốc là 40.680.101 đồng, tiền lãi chưa thanh toán theo hợp đồng là 7.256.218 đồng, tiền lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 3.394.128 đồng. Tổng cộng là 51.330.447 đồng. Chị đồng ý trả tiền nợ gốc là 40.680.101 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn, con bệnh nên chị xin được giảm 1/2 số tiền lãi, tiền nợ gốc thì xin trả dần mỗi tháng trả 1.200.000 đồng vào ngày 15 tây hàng tháng đến khi hết nợ. Nếu trường hợp phát sinh lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì chị không đồng ý thanh toán do hiện nay mất khả năng thanh toán, chị thuộc trường hợp hộ nghèo nên đề nghị Tòa án xem xét hoàn cảnh cho giảm tiền lãi và miễn tiền án phí.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm: Giấy chứng minh nhân dân D T G và sổ hộ khẩu; Đề nghị cấp tín dụng kèm Hợp đồng tín dụng số: CR 014212487 ngày 08/7/2019 của Công ty tài chính S và chị D T G; Bản chi tiết thanh toán ngày 20/01/2021; Giấy chứng minh nhân dân H T B L; Đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 24/02/2022 của chị D T G; Đơn xin miễn nộp tiền án phí ngày 24/02/2022 của chị D T G; Biên bản lấy lời khai*

của đương sự chỉ D T G ngày 24/02/2022 của Toà án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

** Tại phiên tòa:*

Chỉ H T B L là người đại diện của nguyên đơn Công ty tài chính S và bị đơn chỉ D T G có đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; người đại diện của nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính S yêu cầu chỉ D T G trả tổng số tiền là 51.330.447 đồng. Trong đó: 40.680.101 đồng tiền vốn gốc, 7.256.218 đồng tiền lãi theo hợp đồng và 3.394.128 đồng tiền lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty tài chính S yêu cầu bị đơn chỉ D T G trả tiền vay còn nợ, bị đơn chỉ D T G cư trú tại: Kp 1, thị trấn TB, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cho nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chỉ D T G biết và ấn định thời gian để chỉ có ý kiến về việc Công ty tài chính S khởi kiện đối với chỉ trả tiền vay thì chỉ D T G gửi đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử người đại diện Công ty tài chính S

gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng tín dụng giữa Công ty tài chính S và chị D T G được lập thành văn bản, thể hiện rõ số tiền vay, mức lãi suất, thời hạn trả nợ vay và quyền, nghĩa vụ các bên theo quy định tại Điều 398 và Điều 405 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 4, Điều 23 của Thông tư số: 39/VBNH-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Xét khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính S yêu cầu bị đơn chị D T G trả cho Công ty tài chính S tổng số tiền là 51.330.447 đồng. Trong đó: 40.680.101 đồng tiền vốn gốc, 7.256.218 đồng tiền lãi theo hợp đồng và 3.394.128 đồng tiền lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Đề nghị cấp tín dụng kèm Hợp đồng tín dụng số: CR 014212487 ngày 08/7/2019, chị D T G thừa nhận nợ, nhưng do hoàn cảnh khó khăn, con bệnh nên chị xin được giảm 1/2 số tiền lãi, tiền nợ gốc thì xin trả dần mỗi tháng trả 1.200.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng đến khi hết nợ là có thật và thuộc trường hợp chị D T G thừa nhận yêu cầu của Công ty tài chính S đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, sau khi vay chị D T G không trả nợ đúng theo Đề nghị cấp tín dụng kèm Hợp đồng tín dụng số: CR 014212487 ngày 08/7/2019 giữa Công ty tài chính S và chị D T G.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của Công ty tài chính S cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu của người đại diện của Công ty tài chính S, buộc chị D T G phải trả cho Công ty tài chính S tổng số tiền là 51.330.447 đồng. Trong đó: 40.680.101 đồng tiền vốn gốc, 7.256.218 đồng tiền lãi theo hợp đồng và 3.394.128 đồng tiền lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Đề nghị cấp tín dụng kèm Hợp đồng tín dụng số: CR 014212487 ngày 08/7/2019 là phù hợp quy định tại Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nhưng bị đơn thuộc hộ nghèo có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 398, Điều 405, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 4, Điều 23 của Thông tư số: 39/VBNH-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc chị D T G phải trả cho Công ty tài chính S tổng số tiền là 51.330.447 đồng. Trong đó: 40.680.101 đồng tiền vốn gốc, 7.256.218 đồng tiền lãi theo hợp đồng và 3.394.128 đồng tiền lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Đề nghị cấp tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số: CR 014212487 ngày 08/7/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc chị D T G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng chị D T G thuộc hộ nghèo có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị D T G.

Công ty tài chính S không phải chi án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty tài chính S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.283.261 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004582 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 28/4/2022. Đương sự

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Điền).

Trần Văn Thảo